

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 242/2019/HS-ST
Ngày: 19-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Bà Nguyễn Ngọc Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 239/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 259/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

1. Đặng Thị H, sinh năm 1986 tại tỉnh Đồng Nai; thường trú: Khu 1, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đặng P, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1965; có 02 người em, lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 1996; chồng Trần Quốc K (đã chết); có 02 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 48/2015/HSST ngày 05/5/2015, Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội Trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong án phí; bị bắt tạm giữ ngày 24/3/2019, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 02/4/2019, bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Võ Thị D, sinh năm 1978 tại tỉnh Đồng Nai; thường trú: Khu 1, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Võ Văn H, sinh năm 1943 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1942; có 03 người em, lớn sinh năm 1981, nhỏ sinh năm 1986; có chồng Võ Hà S, sinh năm 1977 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 32/HSST ngày 24/10/2002, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đ xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội Trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong án phí; Bản án số 40/2015/HSST ngày 14/4/2015, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ xử phạt 01 năm 06 tháng tù giam về tội

Trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong án phí; bị bắt tạm giữ ngày 24/3/2019, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 27/4/2019, bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Nguyễn Thị Tú P, sinh năm 1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: Khu 1, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; con ông Nguyễn Hồng S, đã chết và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1953; có 05 anh chị em ruột; có chồng Trần Minh L, sinh năm 1989 và 01 người con, sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 24/3/2019, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 02/4/2019, bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Bị hại:* Bà Bùi Thị T, sinh năm 1982; thường trú: Số 42A/19 khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1965; thường trú: Khu 1, khu phố H, thị trấn Đ, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

+ Ông Lý Hoang T, sinh năm 1985; thường trú: Ấp H, thị trấn Đ, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Vũ Đình P, sinh năm 1995; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Thanh D, sinh năm 1997; vắng mặt.

+ Anh Phạm Nguyễn Quang T, sinh năm 1992; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 23/3/2019, Đặng Thị H ở phòng trọ của Nguyễn Thị Tú P tại phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai rủ Võ Thị D, Nguyễn Thị Tú P đi đến chùa B. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, D điều khiển xe mô tô hiệu Honda AirBlade màu đen, biển số 54X8-8877, P điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision màu đen, biển số 60B4-552.46 chở H đến chùa B thuộc khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. P phát hiện chị Bùi Thị T để 01 chiếc bóp da màu đen trong cốp dưới yên xe mô tô hiệu Honda AirBlade biển số 61Z4-7676 rồi vào chùa nên nói cho H và D biết. H, D, P đi đến xe mô tô biển số 61Z4-7676. P đứng ở phía đuôi xe mô tô biển số 61Z4-7676 để che người xung quanh đồng thời cảnh giới cho D và H. D dùng hai tay kéo yên xe lên để H đưa tay vào trong cốp xe lấy chiếc bóp da của chị T. H, D và P rời khỏi khu vực chùa B. D mở chiếc bóp da vừa chiếm đoạt được kiểm tra thì thấy bên trong có tiền mặt 3.900.000 đồng và các giấy tờ như giấy chứng minh nhân dân, giấy đăng ký xe, giấy phép lái xe, thẻ ATM, thẻ bảo hiểm. H, D và P lấy tiền chia nhau mỗi người được 1.300.000 đồng rồi rút bóp cùng các giấy tờ ở bên đường không xác định rõ địa điểm. Đến ngày 24/3/2019, H, D, P đến trụ sở Công an phường Tân Bình đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô hiệu Honda AirBlade màu đen, biển số 54X8-8877; xe mô tô hiệu Honda Vision màu đen, biển số 60B4-552.46; tiền mặt 3.900.000 đồng; 01 túi nylon màu hồng.

Đối với xe mô tô hiệu Honda AirBlade màu đen, biển số 54X8-8877 là tài sản của anh Lý Hoang T, anh T không biết việc D sử dụng xe mô tô vào việc phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An đã trả lại tài sản trên cho anh T.

Đối với xe mô tô hiệu Honda Vision màu đen, biển số 60B4-552.46 là tài sản của bà Nguyễn Thị Thu H, bà H không biết việc H sử dụng xe mô tô vào việc phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã D đã trả lại tài sản trên cho bà H.

Về trách nhiệm dân sự: Số tiền chiếm đoạt 3.900.000 đồng các bị cáo đã trả lại cho bị hại Bùi Thị T. Đối với 01 cái bóp đã cũ, chứng minh nhân dân, giấy chứng nhận đăng ký xe, giấy phép lái xe, thẻ ATM, thẻ bảo hiểm không thu hồi được, chị T không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Tại cáo trạng số: 260/CT - VKS ngày 18 tháng 7 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Đặng Thị H, Võ Thị D, Nguyễn Thị Tú P về Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đặng Thị H và Võ Thị D mỗi bị cáo mức án tù 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo 18 tháng đến 24 tháng; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Nguyễn Thị Tú P mức án tù 07 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 20 tháng. Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 túi nylon màu hồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đặng Thị H, Võ Thị D, Nguyễn Thị Tú P thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; các bị cáo không tranh luận, đối đáp gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Quá trình điều tra, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Vào khoảng 17 giờ 30 phút, ngày 23/3/2019, tại chùa B thuộc khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương các bị cáo Đặng Thị H, Võ Thị D, Nguyễn Thị Tú P có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Bùi Thị T 01 chiếc bóp da màu đen để dưới

yên xe mô tô hiệu Honda AirBlade biển số 61Z4-7676, bên trong có 3.900.000 đồng tiền mặt. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số 260/CT - VKS ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với các bị cáo Đặng Thị H, Võ Thị D, Nguyễn Thị Tú P là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Vai trò của các bị cáo: Bị cáo Hiếu là người dụ dỗ bị cáo D và P và là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo D là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo P là người giúp sức cho bị cáo H và D.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại; các bị cáo đầu thú là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Phương có thêm tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Hiếu và bị cáo Dung thêm tình tiết trình độ học văn thấp.

[7] Về nhân thân: Bị cáo Đặng Thị H và Võ Thị D đã bị Tòa án xét xử nhưng đã được xóa án tích. Các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bị cáo Hiếu là lao động chính trong gia đình, chồng đã chết, hiện đang nuôi con nhỏ, có 01 con bị bệnh tim bẩm sinh. Bị cáo D là lao động chính, hiện đang nuôi mẹ già, chồng bị bệnh, đang nuôi 02 con nhỏ và nuôi 01 cháu trẻ mồ côi. Bị cáo P có nhân thân tốt. Trong thời gian tại ngoại, các bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật của địa phương.

[8] Xét thấy, các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng; bị cáo P có nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự; bị cáo H và D đã bị kết án nhưng đã được xóa án tích; các bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo, phù hợp với quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ sức răn đe, giáo dục và không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến tình hình đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, hủy bỏ Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số 68/2019/HSST-LCĐKNCT và số 69/2019/HSST-LCĐKNCT ngày 19/7/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An và Quyết định về việc bảo lãnh số 14/2019/HSST-QĐBL ngày 19/7/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản chiếm đoạt là 3.900.000 đồng các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Bùi Thị T. Đối với 01 cái bóp đã cũ, các giấy tờ như giấy chứng minh nhân dân, giấy chứng nhận đăng ký xe, giấy phép lái xe, thẻ ATM,

thẻ bảo hiểm bị chiếm đoạt không thu hồi được chị T không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Xét xe mô tô hiệu Honda Vision màu đen, biển số 60B4-552.46 là tài sản của bà Nguyễn Thị Thu H, bà H không biết việc H sử dụng xe mô tô vào việc phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An đã trả lại tài sản trên cho bà H là đúng quy định của pháp luật.

[11] Xét xe mô tô hiệu Honda AirBlade màu đen, biển số 54X8-8877 là tài sản của anh Lý Hoang T, anh T không biết việc Dung sử dụng xe mô tô vào việc phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An đã trả lại tài sản trên cho anh T là đúng quy định của pháp luật.

[12] Xét 01 túi nylon màu hồng, không còn giá trị sử dụng, cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

[13] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Đặng Thị H, Võ Thị D và Nguyễn Thị Tú P phạm Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Đặng Thị H 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (hai mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Võ Thị D 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tú P 8 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo H, D, P cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục bị cáo Đặng Thị H, Võ Thị D và Nguyễn Thị Tú P trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hủy bỏ Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số 68/2019/HSST-LCĐKNCT, số 69/2019/HSST-LCĐKNCT ngày 19/7/2019 của Tòa án nhân dân thị xã D và Quyết định về việc bảo lãnh số 14/2019/HSST-QĐBL ngày 19/7/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Tịch thu tiêu hủy 01 túi nylon màu hồng.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Đặng Thị H, Võ Thị D và Nguyễn Thị Tú P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- Công an thị xã Dĩ An;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng BC 81 CA tỉnh BD;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND nơi các bị cáo cư trú;
- Lưu: VT, HSVA, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hiền